

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và những môn học bổ sung kiến thức trong các kỳ tuyển sinh Nghiên cứu sinh**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-ĐHH ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ sung kiến thức trong tuyển sinh Nghiên cứu sinh tại Đại học Huế.

(Danh mục bổ sung các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ sung kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1656/QĐ-ĐHH ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ túc kiến thức trong tuyển sinh Nghiên cứu sinh tại Đại học Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Huế, Trưởng các Ban: Đào tạo, Tổ chức cán bộ, Khảo thí và ĐBCLGD, Kế hoạch – Tài chính; Hiệu trưởng các Trường Đại học: Khoa học, Sư phạm, Kinh tế, Nông Lâm, Ngoại ngữ, Y Dược, Luật, Khoa trường Khoa Du lịch, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Phó Giám đốc Huỳnh Văn Chương;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Ban ĐT.NĐP. *cm*



Nguyễn Quang Linh

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIÊN SĨ, DỰ BỊ TIÊN SĨ CỦA ĐẠI HỌC HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-ĐHH ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

I. TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
1	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	1. Vật lý lý thuyết và vật lý toán 2. Vật lý chất rắn 3. Vật lý nguyên tử và hạt nhân 4. Vật lý vô tuyến và điện tử 5. Quang học 6. Khoa học vật liệu	* Tùy theo chuyên ngành gần để chọn 3 hoặc 4 học phần bổ sung kiến thức trong các học phần sau: 1. Lý luận dạy học hiện đại 2. Nghiên cứu chương trình Vật lý phổ thông 3. Tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học Vật lý lý 5. Các xu hướng nghiên cứu sử dụng thí nghiệm và phương tiện trực quan trong dạy học Vật lý 6. Dạy học Vật lý theo định hướng phát triển năng lực	 3 4 3 3 3 3	
2	Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	1. Thực vật học 2. Động vật học 3. Sinh thái học 4. Sinh học thực nghiệm	1. Hoạt động hóa người học trong dạy học Sinh học 2. Hình thành và phát triển khái niệm trong dạy học Sinh học	 2 2	

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
				3. Tiếp cận cấu trúc hệ thống trong dạy học Sinh học 4. Sử dụng thí nghiệm trong dạy học Sinh học 5. Sử dụng bài tập tình huống trong dạy học Sinh học	2 2 2	
3	Lý luận và PPDH bộ môn Toán học	Lý luận và PPDHBM Toán học	1. Đại số và lý thuyết số 2. Giải tích 3. Hình học và Tô pô 4. Phương trình vi phân và tích phân 5. Toán ứng dụng 6. Phương pháp toán sơ cấp 7. Xác suất thống kê 8. Toán học	1. Những xu hướng mới về lý thuyết và thực hành trong giáo dục toán 2. Phát triển tư duy trong toán học nhà trường 3. Khảo sát toán và giải quyết vấn đề 4. Dạy học toán với công nghệ 5. Mô hình hóa toán học và ứng dụng trong giáo dục toán 6. Phương pháp nghiên cứu trong giáo dục toán	3 3 3 3 3 3	* Các ứng viên đã có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng do cơ sở đào tạo khác (trong và ngoài nước) cấp hoặc do Trường ĐHSP đã cấp trên 5 năm cần phải hoàn thành bổ sung 09 tín chỉ trong 18 tín chỉ đã nêu.
4	Lịch sử Việt Nam	* Thạc sĩ 1. Lịch sử Việt Nam 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam * Đại học 1. Lịch sử Việt Nam	1. Lịch sử thế giới 2. LL&PP dạy học bộ môn lịch sử 3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 4. Việt Nam học 5. Dân tộc học 6. Khảo cổ học 7. Văn hóa học	1. Chế độ ruộng đất trong lịch sử Việt Nam 2. Phong trào Cần Vương (1885-1896) 3. Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1954-1975) 4. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam: lý luận và thực tiễn	2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giỏi trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
5	Động vật học	Động vật học (Đại học và Thạc sĩ)	1. Sinh thái học	1. Nguyên tắc phân loại động vật 2. Giải phẫu so sánh động vật không xương sống 3. Giải phẫu so sánh động vật có xương sống 4. Ngư loại học 5. Sinh học phát triển 6. Sinh sản động vật	3 3 3 2 3 3	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giới trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo
			2. Sinh học thực nghiệm	1. Sinh học động vật có xương sống ở cạn 2. Giải phẫu so sánh động vật không xương sống 3. Thủy sinh học 4. Giải phẫu so sánh động vật có xương sống 5. Tập tính học 6. Kỹ thuật điều tra khảo sát đa dạng sinh học động vật 7. Nguyên tắc phân loại động vật 8. Động vật đất	3 3 3 3 3 3 3 3	
6	Thực vật học	Thực vật học (Đại học và Thạc sĩ)	1. Sinh thái học 2. Sinh học thực nghiệm 3. Công nghệ sinh học	* Chọn 3/5 học phần: 1. Tế bào học thực vật 2. Sinh học cơ thể thực vật 3. Sinh học phát triển thực vật 4. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới 5. Sinh học và quản lý tảo độc hại	2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giới trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
7	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý lý thuyết và vật lý toán (Thạc sĩ)	1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn vật lý 2. Vật lý chất rắn 3. Vật lý nguyên tử và hạt nhân 4. Vật lý vô tuyến và điện tử 5. Quang học 6. Khoa học vật liệu	* Tùy thuộc ngành gần, có thể chọn 3 hoặc 4 học phần trong các học phần sau: 1. Cơ học lượng tử nâng cao 2. Vật lý thống kê lượng tử 3. Lý thuyết chất rắn và bán dẫn 4. Tính chất quang của vật rắn 5. Vật lý hệ nhiều hạt 6. Quang lượng tử 7. Vật lý hệ thấp chiều	3 3 3 3 3 3 3	
8	Hóa lý thuyết và hóa lý	* Thạc sĩ: 1. Hóa lý thuyết và hóa lý 2. Hóa học * Đại học 1. Hóa lý thuyết và hóa lý	1. Hóa vô cơ 2. Hóa hữu cơ 3. Hóa phân tích 4. Hóa học môi trường 5. Khoa học môi trường 6. Công nghệ kỹ thuật môi trường 7. Khoa học vật liệu	1. Các phương pháp đặc trưng cấu trúc 2. Xúc tác và ứng dụng 3. Điện hóa hiện đại 4. Những vấn đề chọn lọc trong hóa lý	3 3 3 3	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giải trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo
9	Hóa vô cơ	* Thạc sĩ: 1. Hóa vô cơ 2. Hóa học 3. Công nghệ các hợp chất vô cơ 3. Khoa học và Kỹ thuật vật liệu phi kim (chuyên sâu: Công nghệ vật liệu vô cơ) 4. Hóa silicat	1. Hóa lý thuyết và hóa lý 2. Hóa phân tích 3. Phương pháp giảng dạy hóa học 4. Hóa học môi trường 5. Khoa học môi trường 6. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Phần bắt buộc: 1. Hóa học các hợp chất phối trí 2. Vật liệu vô cơ 3. Các vấn đề chọn lọc trong Hóa vô cơ 4. Phân tích cấu trúc 5. Hóa tinh thể Phần tự chọn (Chọn 4/8 học phần) 1. Hóa học cơ kim 2. Hóa sinh vô cơ	3 3 3 3 3 2 2	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giải trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		5. Kỹ thuật hóa học (chuyên sâu: Công nghệ vật liệu silicat) * Đại học: 1. Hóa vô cơ		3. Tổng hợp vô cơ 4. Vật liệu nano 5. Hóa học các nguyên tố hiếm 6. Phương pháp gián đồ cho phản ứng oxy hóa khử 7. Vật liệu silicat 8. Cơ chế phản ứng vô cơ	2 2 2 2 2 2	
10	Đại số và lý thuyết số	Đại số (Đại học và Thạc sĩ)	1. Hình học Tôpô 2. Toán học 3. Giải tích	1. Lý thuyết nhóm 2. Đại số giao hoán 3. Lý thuyết vành và mô đun 1. Lý thuyết nhóm 2. Đại số giao hoán 3. Lý thuyết vành và mô đun 4. Hình học đại số 5. Đại số đồng đều	4 4 4 4 4 4 3 4	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giải trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo
11	Lý luận văn học	Lý luận văn học (Đại học và Thạc sĩ)	1. Văn học Việt Nam 2. Văn học nước ngoài 3. Ngôn ngữ học 4. Văn hóa học 5. Phương pháp dạy học văn 6. Đông phương học 7. Hán Nôm	1. Các lý thuyết về thể loại văn học 2. Các lý thuyết về xã hội học văn học 3. Các lý thuyết về lịch sử văn học <i>Đối với NCS thuộc ngành đúng nhưng được đào tạo theo chương trình cũ so với chương trình hiện hành thì bổ sung các học phần sau:</i> 1. Thơ Việt Nam hiện đại 2. Văn học VN trong mối quan hệ với văn học Trung Hoa 3. Văn học VN trong mối quan hệ với văn học Pháp	2 2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giải trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
12	Địa lý tự nhiên	* Thạc sĩ: 1. Địa lý tự nhiên 2. Địa lý Tài nguyên và Môi trường * Đại học: 1. Địa lý tự nhiên	1. Khoa học Môi trường 2. Quản lý Tài nguyên và Môi trường 3. Địa chất học 4. Khí tượng và khí hậu học 5. Địa mạo và cổ địa lý 6. Quản lý đất đai 7. Thủy văn học 8. Địa lý học 9. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý 10. Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin Địa lý 11. Bản đồ học 12. Hải dương học 13. Quản lý biển đảo và đới bờ	1. Những vấn đề Địa lý tự nhiên đại cương 2. Hệ thống thông tin địa lý 3. Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng 4. Địa lý tự nhiên miền nhiệt đới 5. Địa lý sinh thái và mô hình kinh tế sinh thái 6. Tai biến tự nhiên	3 3 3 3 3 3	* Người dự tuyển đã có bằng Thạc sĩ đúng ngành nhưng do cơ sở đào tạo khác (trong và ngoài nước) cấp hoặc do Trường ĐHSP đã cấp trên 5 năm cần phải hoàn thành bổ sung 04 tín chỉ trong 12 tín chỉ đã nêu. * Người dự tuyển có bằng Thạc sĩ thuộc ngành gần cần phải hoàn thành bổ sung 08 tín chỉ trong 12 tín chỉ đã nêu. * Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng thì phải tốt nghiệp lợi giới trở lên và học bổ sung kiến thức theo quy định của đơn vị đào tạo

II. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

1	Lịch sử thế giới	- Thạc sĩ: 1. Lịch sử thế giới 2. Đông phương học 3. Quan hệ quốc tế 4. Quốc tế học	1. Ngoại giao 2. Lịch sử Việt Nam 3. Dân tộc học 4. Nhân học	Lịch sử thế giới	3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
---	------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------	------------------	---	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		- Đại học: Lịch sử thế giới				
2	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Việt Nam (Đại học và Thạc sĩ)	1. Lịch sử thế giới 2. Dân tộc học 3. Khảo cổ học 4. Nhân học 4. Lịch sử Đảng	Lịch sử Việt Nam	3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
3	Văn học Việt Nam	* Đại học và Thạc sĩ: 1. Ngữ văn 2. Sư phạm ngữ văn 3. Văn học	1. Báo chí 2. Ngôn ngữ học 3. Các ngành ngữ văn nước ngoài 4. Sư phạm văn – giáo dục công dân, giáo dục tiểu học 5. Hán nôm 6. Lý luận văn học 7. Văn học nước ngoài	1. Văn học Việt Nam trong mối quan hệ với văn học Trung hoa 2. Văn học Việt Nam trong mối quan hệ với văn học Pháp 3. Lý thuyết lịch sử văn học và sự phân kỳ lịch sử văn học Việt Nam	2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
4	Khoa học máy tính	* Thạc sĩ: 1. Khoa học máy tính 2. Hệ thống thông tin 3. Mạng và truyền thông 4. Công nghệ phần mềm 5. Công nghệ thông tin 6. Toán - Tin 7. Truyền tải dữ liệu và mạng máy tính 8. Quản lý thông tin	1. Toán 2. Toán ứng dụng 3. Điện tử viễn thông	1. Toán rời rạc 2. Cơ sở dữ liệu 3. Cấu trúc dữ liệu 4. Trí tuệ nhân tạo 5. Công nghệ phần mềm 6. Phân tích thiết kế hệ thống	3 3 3 3 3 3	* Những môn nào có trong bảng điểm Đại học và Cao học thì được miễn học bổ túc * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		9. Viễn thông thông tin 10. Toán ứng dụng và tin học * Đại học: 1. Khoa học máy tính				
5	Sinh lý học thực vật	Sinh học thực nghiệm (Đại học và Thạc sĩ)	Thực vật	* Bắt buộc (4TC) 1. Quang hợp và năng suất cây trồng 2. Nuôi cấy mô thực vật * Tự chọn (Chọn 3/5HP) 1. Công nghệ gen thực vật 2. Dinh dưỡng khoáng thực vật 3. Hô hấp thực vật 4. Sinh học cơ thể thực vật 5. Tương tác giữa thực vật - vi sinh vật	2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
6	Sinh lý học người và động vật	Sinh học thực nghiệm (Đại học và Thạc sĩ)	Động vật	* Bắt buộc (4TC) 1. Miễn dịch học 2. Sinh lý nội tiết * Tự chọn (chọn 3/5HP, 6TC) 1. Nuôi cấy mô tế bào động vật 2. Sinh lý thần kinh cấp cao 3. Công nghệ gen động vật 4. Sinh lý dinh dưỡng 5. Quang sinh học	2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
7	Ngôn ngữ học	* Thạc sĩ: 1. Lý luận ngôn ngữ 2. Ngôn ngữ học	1. Văn học Việt Nam 2. Báo chí và truyền thông 3. Hán nôm	1. Các khuynh hướng và trường phái ngôn ngữ 2. Các phương pháp của ngữ nghĩa học	2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		3. Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu * Đại học: 1. Ngôn ngữ học	4. Văn học nước ngoài 5. Sư phạm dạy tiếng nước ngoài 6. Ngôn ngữ các tiếng nước ngoài	3. Các lý thuyết phân tích ngữ pháp 4. Những vấn đề của ngôn ngữ học tâm lý 5. Ngữ dụng học và văn bản nghệ thuật	2 2 2	học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
8	Quang học	* Thạc sĩ: 1. Quang học 2. Khoa học vật liệu * Đại học: 1. Quang học	1. Vật lý chất rắn 2. Vật lý lý thuyết 3. Sư phạm vật lý 4. Vật lý kỹ thuật	1. Vật lý phát quang 2. Vật liệu phát quang 3. Phương pháp phân tích quang phổ 1. Cơ học lượng tử 2. Vật lý phát quang 3. Vật liệu phát quang 4. Phương pháp phân tích quang phổ	3 3 2 2 3 3 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của tại cơ sở đào tạo.
9	Vật lý chất rắn	* Đại học và Thạc sĩ: 1. Vật lý lý thuyết 2. Quang học 3. Vật liệu học 4. Khoa học vật liệu	1. Cơ học vật thể 2. Vật lý nhiệt 3. Vật lý kỹ thuật 4. Vật lý nguyên tử hạt nhân và năng lượng cao 5. Vật lý vô tuyến điện tử 6. Kỹ thuật điện tử	1. Phương pháp nghiên cứu vật rắn 2. Vật lý tinh thể 3. Điện môi phi tuyến	2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
10	Đại số và lý thuyết số	Đại số và Lý thuyết số (Đại học và Thạc sĩ)	1. Hình học Tôpô 2. Giải tích 3. Lý thuyết tối ưu 4. Xác suất thống kê	1. Lý thuyết nhóm 2. Đại số giao hoán 3. Lý thuyết vành và môđun 1. Lý thuyết nhóm 2. Đại số giao hoán 3. Lý thuyết vành và môđun	3 3 3 3 3 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
				4. Hình học đại số 5. Đại số đồng điều	3 3	
11	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Hoá lý thuyết và hoá lý (<i>Đại học và Thạc sĩ</i>)	1. Hoá phân tích 2. Hoá vô cơ 3. Hoá hữu cơ 4. Hoá dầu 5. Khoa học môi trường 6. Công nghệ thực phẩm 7. Công nghệ thực phẩm – sinh học 8. Công nghệ kỹ thuật môi trường 9. Công nghệ hóa học 10. Công nghệ kỹ thuật hóa học 11. Kỹ thuật hóa học 12. Kỹ thuật vật liệu 13. Khoa học vật liệu	1. Hóa keo và hóa học bề mặt 2. Các phương pháp đặc trưng vật liệu	2 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
12	Hóa phân tích	* Đại học và Thạc sĩ: 1. Hóa phân tích 2. Hóa phân tích và hóa đo lường	1. Hóa hữu cơ 2. Hóa vô cơ 3. Hóa lý 4. Hóa dầu 5. Khoa học môi trường 6. Công nghệ thực phẩm 7. Công nghệ thực phẩm sinh học 8. Công nghệ kỹ thuật môi trường 9. Công nghệ hóa học 10. Công nghệ kỹ thuật hóa học	1. Hóa học phân tích nâng cao 2. Chuyên đề chọn lọc trong hóa học phân tích 3. Kỹ thuật phân tích	2 3 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
			11. Kỹ thuật hóa học 12. Kỹ thuật vật liệu 13. Khoa học vật liệu			
13	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ (Đại học và Thạc sĩ)	1. Hóa phân tích 2. Hóa vô cơ 3. Hóa lý 4. Hóa dầu 5. Công nghệ thực phẩm 6. Công nghệ thực phẩm sinh học 7. Công nghệ kỹ thuật môi trường 8. Công nghệ hóa học 9. Công nghệ kỹ thuật hóa học 10. Kỹ thuật hóa học 11. Kỹ thuật vật liệu 12. Khoa học vật liệu	1. Hóa học hữu cơ nâng cao 2. Cơ chế phản ứng hữu cơ 3. Phân tích phổ hợp chất hữu cơ	2 3 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
14	Dân tộc học	* Thạc sĩ: 1. Dân tộc học 2. Nhân học 3. Văn hóa học 4. Lịch sử 5. Việt Nam học * Đại học: 1. Dân tộc học	1. Lịch sử Việt Nam 2. Lịch sử thế giới 3. Việt Nam học 4. Xã hội học	Dân tộc học	3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
15	Quản lý tài nguyên và môi trường	* Thạc sĩ: 1. Quản lý tài nguyên và môi trường	1. Các chuyên ngành thuộc Khoa học Trái Đất (Địa chất học, Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý, Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học,	1. Các nguyên lý trong quản lý tài nguyên và môi trường 2. GIS và viễn thám trong nghiên cứu tài	2	* Chọn 2 đến 4 học phần trong 6 học phần tùy theo ngành

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		2. Quản lý môi trường 3. Quản lý tài nguyên thiên nhiên * Đại học: Quản lý tài nguyên và môi trường	Hải dương học, Địa lý tự nhiên, Địa lý tài nguyên và môi trường) và Địa lý học, Địa lý du lịch, Địa lý kinh tế - xã hội 2. Khoa học môi trường 3. Công nghệ môi trường, 4. Kỹ thuật môi trường 5. Quản lý tài nguyên rừng, 6. Lâm nghiệp 7. Phát triển nông thôn, 8. Khuyến nông và phát triển nông thôn 9. Hóa môi trường, 10. Sinh – Môi trường, 11. Sư phạm Sinh 12. Kỹ thuật nông lâm, 13. Sinh thái học 14. Quản lý đất đai, 15. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, 16. Quản lý biển đảo và đới bờ	nguyên và môi trường 3. Các vấn đề môi trường toàn cầu 4. Kinh tế tài nguyên và môi trường 5. Quản lý tổng hợp biển đảo và đới bờ 6. Mô hình hóa trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
16	Địa chất học	* Thạc sĩ: 1. Địa chất học 2. Khoáng vật học và địa hóa học 3. Kỹ thuật Địa chất * Đại học: 1. Địa chất học	1. Kỹ thuật tài nguyên nước 2. Địa mạo và cổ địa lý 3. Địa kỹ thuật xây dựng	* Chọn 4/6 học phần: 1. Địa chất đệ tứ, tân kiến tạo và chuyển động kiến tạo hiện đại Việt Nam 2. Cơ sở động lực dòng ngầm và biến dạng thẳm 3. Sinh khoáng và dự báo khoáng sản 4. Địa chất biển Đông Việt Nam	2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
				5. Các phương pháp thí nghiệm xác định tính chất địa chất công trình của đất đá nguyên phôi 6. Phương pháp cải tạo thành phần, trạng thái và tính chất của đất xây dựng	2 2	
17	Công nghệ sinh học	* Thạc sĩ: 1. Công nghệ sinh học 2. Hóa sinh * Đại học: 1. Công nghệ sinh học	1. Sinh học thực nghiệm 2. Di truyền học	1. Công nghệ sinh học nâng cao 2. Công nghệ DNA tái tổ hợp 3. Công nghệ tế bào thực vật 4. Công nghệ sinh học các hợp chất thứ cấp	2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.

III. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

1	Khoa học cây trồng	* Thạc sĩ: 1. Khoa học cây trồng 2. Nông học 3. Bảo vệ thực vật 4. Khoa học nghề vườn 5. Trồng trọt 6. Làm vườn sinh vật cảnh 7. Di truyền – chọn tạo giống 8. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan * Đại học: 1. Khoa học cây trồng	1. Sư phạm kỹ thuật Nông Lâm 2. Lâm học 3. Quản lý tài nguyên rừng 4. Khoa học đất 5. Sinh học thực nghiệm 6. Sinh thái học 7. Thực vật học 8. Sinh học 9. Nông hóa - Thổ nhưỡng 10. Động vật học 11. Sinh lý thực vật 12. Công nghệ sinh học 13. Lâm nghiệp 14. Khuyến nông	1. Nguyên lý sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày 2. Nguyên lý sản xuất cây công nghiệp dài ngày 3. Nguyên lý sản xuất cây lương thực 4. Quản lý mùa vụ tổng hợp	2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
---	--------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
			15. Sinh học ứng dụng 16. Phương pháp luận giảng dạy sinh học			
2	Bảo vệ thực vật	* Thạc sĩ: 1. Bảo vệ thực vật 2. Khoa học cây trồng 3. Nông học 4. Trồng trọt 5. Khoa học nghề vườn 6. Làm vườn và sinh vật cảnh 7. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 8. Di truyền chọn tạo giống * Đại học: 1. Bảo vệ thực vật	1. Sinh học 2. Sinh học thực nghiệm 3. Công nghệ sinh học 4. Lâm nghiệp 5. Lâm sinh 6. Sư phạm kỹ thuật Nông Lâm 7. Quản lý tài nguyên và môi trường 8. Khuyến nông 9. Lâm nghiệp đô thị 10. Khoa học đất 11. Bảo quản chế biến nông sản 12. Động vật học 13. Thực vật học 14. Sinh lý thực vật 15. Quản lý môi trường 16. Sinh thái học 17. Quản lý tài nguyên rừng 18. Sinh học ứng dụng 19. Phương pháp luận giảng dạy sinh học	1. Nấm hại thực vật 2. Tương tác giữa cây trồng và côn trùng 3. Khoa học cỏ dại 4. Quản lý dịch hại tổng hợp	2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
3	Chăn nuôi	* Thạc sĩ: 1. Chăn nuôi 2. Chăn nuôi - Thú y 3. Thú y	1. Động vật học 2. Sinh học 3. Công nghệ sinh học 4. Dược thú y	1. Thức ăn 2. Chăn nuôi bò nâng cao 3. Chăn nuôi lợn nâng cao 4. Chăn nuôi gia cầm nâng cao	2 3 3 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		4. Hệ thống chăn nuôi nhiệt đới * Đại học: 1. Chăn nuôi	5. Nuôi trồng thủy sản 6. Ngư y			theo quy định của cơ sở đào tạo.
4	Thú y	Thú y (Đại học và Thạc sĩ)	1. Chăn nuôi 2. Động vật học	1. Vi khuẩn học và nấm học thú y 2. Virus học thú y 3. Miễn dịch học thú y 4. Bệnh lý học thú y 5. Dịch tễ học thú y 6. Bệnh truyền nhiễm thú y	2 2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
5	Quản lý đất đai	* Thạc sĩ: 1. Quản lý đất đai 2. Địa chính 3. Công nghệ địa chính 4. Bất động sản * Đại học: 1. Quản lý đất đai	Nhóm 1: 1. Trắc địa – bản đồ 2. Địa lý 3. Kinh tế tài nguyên và môi trường Nhóm 2: 4. Khoa học đất 5. Nông hoá – thổ nhưỡng 6. Kinh tế 7. Phát triển nông thôn 8. Quản lý tài nguyên và môi trường 9. Luật	Nhóm 1: 1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển 2. Hệ thống quản lý đất đai 3. Tài chính về đất đai Nhóm 2: 1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển 2. Hệ thống quản lý đất đai 3. Trắc địa địa chính nâng cao	3 2 2 3 2 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
6	Lâm sinh	* Thạc sĩ: 1. Lâm nghiệp 2. Lâm sinh 3. Lâm học	1. Quản lý tài nguyên rừng 2. Sinh học 3. Thực vật học 4. Động vật học	1. Sinh thái rừng 2. Trồng rừng nhiệt đới 3. Điều tra rừng 4. Sản lượng rừng	2 2 2 2	

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		* Đại học: 1. Lâm sinh	5.Quản lý tài nguyên thiên nhiên 6.Sư phạm kỹ thuật nông lâm 7.Công nghệ sinh học 8.Quản lý môi trường 9.Quản lý đất đai, Khoa học đất 10.Phát triển nông thôn 11.Quản lý tài nguyên & môi trường 12.Kinh tế Lâm nghiệp			* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
7	Phát triển nông thôn	* Thạc sĩ: 1. Phát triển nông thôn 2. Quản lý đất đai 3. Quản lý dự án 4. Quản lý công 5. Quản lý tài nguyên và môi trường * Đại học: 1. Phát triển nông thôn	Nhóm kỹ thuật 1. Khoa học cây trồng 2. Lâm học 3. Chăn nuôi 4. Nuôi trồng thủy sản 5. Sinh học 6. Thủy lợi công trình 7. Bảo quản chế biến Nhóm kinh tế 1. Kinh tế nông nghiệp 2. Quản trị kinh doanh 3. Quản lý kinh tế	* Môn bắt buộc: 1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn * Môn tự chọn (chọn 1/5 môn) 1, Phân tích sinh kế 2. Chuyên đề xây dựng nông thôn mới 3. Quản lý dự án phát triển nông thôn 4. Khuyến nông và đào tạo nông dân 5. Xã hội học nông thôn	3 3 2 2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo.
				* Bắt buộc: 1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Khuyến nông và đào tạo nông dân 4. Môn tự chọn (chọn 1/5 môn) 1, Phân tích sinh kế 2. Chuyên đề xây dựng nông thôn mới 3. Quản lý dự án phát triển nông thôn 4. Kế hoạch và chiến lược PTNT 5. Xã hội học nông thôn	3 3 2 2 2 2 2 2	

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
			Nhóm xã hội/luat 1. Xã hội học 2. Luật học	* Bắt buộc: 1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Khuyến nông và đào tạo nông dân 4. Môn tự chọn (chọn 1/5 môn) 1, Phân tích sinh kế 2. Chuyên đề xây dựng nông thôn mới 3. Quản lý dự án phát triển nông thôn 4. Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn 5. Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn	3 3 2 2 2 2 2	
8	Nuôi trồng thủy sản	* Thạc sĩ: 1. Nuôi trồng thủy sản 2. Bệnh học thủy sản (Ngr y) 3. Quản lý thủy sản * Đại học: 1. Nuôi trồng thủy sản	1. Sinh học 2. Chăn nuôi 3. Chăn nuôi thú y 4. Thú y 5. Kỹ thuật nông lâm	1. Di truyền và chọn giống thủy sản 2. Dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản 3. Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản 4. Bệnh động vật thủy sản 5. Kỹ thuật nuôi động vật giáp xác 6. Chuyên đề nuôi cá nước ngọt 7. Kỹ thuật nuôi cá biển	3 3 2 2 3 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của tại cơ sở đào tạo.
9	Công nghệ thực phẩm	* Thạc sĩ: 1. Công nghệ thực phẩm 2. Công nghệ sau thu hoạch 3. Bảo quản và chế biến nông sản 4. Công nghệ chế biến thủy sản 5. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 6. Kỹ thuật thực phẩm	1. Chăn nuôi 2. Sinh học ứng dụng 3. Công nghệ sinh học 4. Hóa học 5. Khoa học thủy sản 6. Thú y 7. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 8. Kỹ thuật sinh học 9. Dinh dưỡng	1. Xử lý số liệu thực nghiệm 2. Thực phẩm chức năng 3. Các kỹ thuật hiện đại trong chế biến thực phẩm 4. Các quá trình nhiệt trong công nghệ thực phẩm 6. Kỹ thuật lên men thực phẩm	2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của tại cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		* Đại học: 1. Công nghệ thực phẩm				

IV. TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

1	Nội khoa	<p>- Thạc sĩ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nội khoa Nội tim mạch, Thận, Khớp, Nội tiết Thần kinh Lão khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc Truyền nhiễm Nội hô hấp Huyết học và truyền máu Nội tiêu hóa <p>- Đại học:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bác sĩ y khoa 				<p>* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Cử nhân Y tế công cộng loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo</p>
2	Ngoại khoa	<p>- Thạc sĩ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngoại khoa Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu <p>- Đại học:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bác sĩ Y khoa 				<p>* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Cử nhân Y tế công cộng loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo</p>

nb

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
3	Sản phụ khoa	- Thạc sĩ: 1. Sản phụ khoa - Bác sĩ: 2. Bác sĩ y khoa				* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo
4	Nhi khoa	- Thạc sĩ: 1. Nhi khoa - Đại học: 2. Bác sĩ y khoa				* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo
5	Điện quang và y học hạt nhân	- Thạc sĩ: 1. Điện quang và y học hạt nhân (Trước năm 2017 là Chẩn đoán hình ảnh) - Đại học: 2. Bác sĩ Y khoa				* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo
6	Y tế công cộng	- Thạc sĩ: 1. Y tế công cộng 2. Thống kê y tế 3. Dịch tễ học 4. Sức khỏe quốc tế	Nhóm 1: 1. Quản lý bệnh viện 2. Quản lý y tế	Nhóm 1: 1. Dịch tễ học 2. Thống kê y tế 3. Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp	2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Cử nhân Y tế

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		- Đại học: 5. Bác sĩ Y khoa 6. Bác sĩ Y học dự phòng 7. Cử nhân Y tế công cộng	Nhóm 2: 1. Y khoa các ngành lâm sàng 2. Dân số Nhóm 3 1. Dinh dưỡng Nhóm 4: 1. Sức khỏe môi trường 2. Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Nhóm 5: 1. Kinh tế y tế	Nhóm 2: 1. Dịch tễ học 2. Thống kê y tế 3. Tổ chức và quản lý y tế Nhóm 3: 1. Dịch tễ học 2. Thống kê y tế 3. Tổ chức và quản lý y tế 4. Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp Nhóm 4: 1. Dịch tễ học 2. Truyền thông - Giáo dục sức khỏe 3. Tổ chức và quản lý y tế Nhóm 5: 1. Dịch tễ học 2. Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp 3. Tổ chức và quản lý y tế	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2	công cộng loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo
7	Khoa học y sinh	1. Khoa học y sinh (trước năm 2017 là ngành Y học chức năng) 2. Công nghệ y sinh học (Theo chương trình liên kết với Đại học Sassari - Ý) 3. Y học hình thái (Môi phôi thai học; Giải phẫu người; Giải phẫu bệnh và pháp y) 4. Y học chức năng (Sinh lý học; Sinh lý bệnh; Di ứng và miễn dịch; Y sinh học di truyền; Hóa sinh y học)				* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa hoặc Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ túc theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		5. Vi sinh y học 6. Ký sinh trùng và côn trùng y học 7. Huyết học và truyền máu 8. Bác sĩ Y khoa 9. Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học				

V. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

1	Quản trị kinh doanh	- Thạc sĩ: 1. Quản trị kinh doanh 2. Quản trị kinh doanh du lịch 3. Quản trị kinh doanh thương mại 4. Marketing 5. Quản trị nhân lực 6. Kinh doanh ngoại thương 7. Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng 8. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 9. Quản trị kinh doanh bất động sản 10. Quản trị kinh doanh quốc tế 11. Kinh doanh thương mại 12. Kinh doanh và quản lý 13. Quản trị doanh nghiệp 14. Quản trị kinh doanh ngoại thương	1. Kế toán 2. Tài chính – Ngân hàng 3. Hệ thống thông tin kinh tế 4. Hệ thống thông tin quản lý 5. Quản lý kinh tế 6. Kinh tế học 7. Kinh tế chính trị 8. Kinh tế đầu tư 9. Kinh tế phát triển 10. Kinh tế quốc tế 11. Chính sách công 12. Quản lý công 13. Kinh tế kế hoạch đầu tư 14. Kinh tế lâm nghiệp 15. Kinh tế thủy sản 16. Quản lý công nghiệp 17. Quản lý năng lượng 18. Luật kinh tế 19. Luật quốc tế 20. Thống kê 21. Kinh tế nông nghiệp	1. Quản trị chiến lược 2. Quản trị nhân lực 3. Quản trị thương mại 4. Quản trị tài chính 5. Quản trị sản xuất	2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ túc kiến thức theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo.
---	----------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
		15. Kinh doanh quốc tế 16. Quản trị 17. Khoa học quản lý 18. Thương mại 19. Thương mại quốc tế 20. Kinh doanh quốc tế 21. Quản trị chuỗi cung 22. Quản trị dịch vụ 23. Quản trị marketing - Đại học: Quản trị kinh doanh				
2	Kinh tế nông nghiệp	- Thạc sĩ: 1. Kinh tế nông nghiệp 2. Kinh doanh nông nghiệp 3. Kinh tế tài nguyên và môi trường 4. Kinh tế phát triển 5. Kế hoạch – đầu tư - Đại học: Kinh tế nông nghiệp	1. Kinh tế chính trị 2. Quản trị kinh doanh 3. Phân bố LLSX và phân vùng kinh tế 4. Khoa học quản lý 5. Kế toán 6. Tài chính – ngân hàng 7. Thương mại 8. Hệ thống thông tin kinh tế 9. Kinh tế học 10. Kinh tế lao động 11. Quản lý kinh tế 12. Quản lý hành chính 13. Luật kinh tế 14. Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế 15. Kinh tế công nghiệp 16. Phát triển nông thôn	1. Kinh tế nông nghiệp 2. Marketing nông nghiệp 3. Kinh tế nông hộ và trang trại 4. Quản trị doanh nghiệp và nông nghiệp 5. Phân tích chính sách nông nghiệp	2 2 2 2 2	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ túc kiến thức theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo.

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
3	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị (<i>Đại học và Thạc sĩ</i>)	1. Kinh tế học 2. Kinh tế đầu tư 3. Kinh tế phát triển 4. Kinh tế quốc tế 5. Quản trị kinh doanh 6. Tài chính - Ngân hàng 7. Chính sách công 8. Quản lý công 9. Quản trị nhân lực 10. Quản lý kinh tế 11. Kinh tế nông nghiệp 12. Luật kinh tế 13. Chính trị học 14. Kế toán 15. Kinh doanh thương mại 16. Giáo dục chính trị	1. Kinh tế đối ngoại Việt Nam 2. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản hiện đại 3. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 4. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	3 3 3 3	* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ túc kiến thức theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo

VI. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

1	Lý luận và PPDH Bộ môn tiếng Anh	Lý luận và PPDH Bộ môn tiếng Anh	1. Ngôn ngữ Anh 2. Quốc tế học	* HP bắt buộc 1. Phương pháp dạy - học thích hợp 2. Thực hành giảng dạy 3. Tiếp thu ngôn ngữ hai 4. Biên soạn chương trình dạy và học tiếng Anh 5. Kiểm tra, đánh giá ngôn ngữ 6. Phát triển nghiệp vụ * HP tự chọn (chọn 2/4 HP) 1. Ngôn ngữ học đối chiếu 2. Giảng dạy kỹ năng biên dịch	3 3 3 3 3 3 2 2	
---	----------------------------------	----------------------------------	-----------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------	--

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
				cứu về dịch thuật 12. Lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ 13. Ngữ âm tiếng Việt 14. Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt 15. Ngữ pháp tiếng Việt	2 2 2 2	

VII. KHOA DU LỊCH

1	Du lịch	<p>- Thạc sĩ:</p> <p>1. Du lịch</p> <p>2. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</p> <p>3. Quản lý văn hóa du lịch</p> <p>- Đại học:</p> <p>4. Quản lý văn hóa</p> <p>5. Văn hóa học</p> <p>6. Kinh tế</p> <p>7. Du lịch</p>	<p>1. Ngôn ngữ học</p> <p>2. Văn hóa học</p> <p>3. Quản lý kinh tế</p> <p>4. Kinh tế học</p> <p>5. Địa lý học</p> <p>6. Việt Nam học</p> <p>7. Quan hệ công chúng</p> <p>8. Quản trị kinh doanh</p> <p>9. Quản trị nhân lực</p> <p>10. Khoa học môi trường</p> <p>11. Quản lý công nghiệp</p> <p>12. Kiến trúc</p> <p>13. Kinh doanh thương mại</p> <p>14. Bản đồ học</p> <p>15. Quản lý tài nguyên và môi trường</p> <p>16. Công nghệ thông tin</p> <p>17. Địa lý tài nguyên và môi trường</p> <p>18. Quản lý kinh tế</p> <p>19. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu</p> <p>20. Lịch sử Việt Nam</p>	<p>* Ngành gần thạc sĩ:</p> <p>1. Quản lý điểm đến du lịch</p> <p>2. Phương pháp nghiên cứu trong du lịch</p> <p>3. Xây dựng trải nghiệm du lịch</p> <p>4. Quản lý văn hóa với phát triển du lịch</p> <p>* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học thì phải có thêm các điều kiện sau:</p> <p>1. Quản trị doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành</p> <p>2. Kinh tế học ứng dụng trong du lịch</p> <p>3. Quản trị Marketing du lịch</p> <p>4. Quản lý điểm đến du lịch</p> <p>5. Phương pháp nghiên cứu trong du lịch</p> <p>6. Marketing điểm đến du lịch</p> <p>7. Quản lý nhà nước về du lịch</p> <p>8. Hệ thống thông tin quản lý trong du lịch</p> <p>9. Lập và quản lý dự án kinh doanh du lịch</p> <p>10. Xây dựng trải nghiệm du lịch</p> <p>11. Quản lý văn hóa với phát triển du lịch</p>	<p>3</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>2</p>	<p>* Người dự tuyển nếu tốt nghiệp đại học thì phải có thêm các điều kiện sau:</p> <p>- Bằng tốt nghiệp phải đạt loại giỏi trở lên.</p> <p>- Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn tính đến ngày đăng ký dự tuyển.</p> <p>- Có ít nhất 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí KH có uy tín (nằm trong danh mục được tính điểm của hội đồng giáo sư ngành, liên ngành) trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển</p> <p>* Người dự tuyển nếu thuộc đối tượng ngành gần phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>- Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn</p>
---	----------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học)	Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ)	Các môn học bổ sung	Số tín chỉ bổ sung	Ghi chú
			21. Lịch sử thế giới			tính đến ngày đăng lý dự tuyển. - Có ít nhất 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí KH có uy tín (nằm trong danh mục được tính điểm của hội đồng giáo sư ngành, liên ngành) trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển

VIII. VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

1	Sinh học	<p>- Thạc sĩ và Đại học:</p> <p>1. Sinh học</p> <p>2. Sinh học thực nghiệm</p> <p>3. Công nghệ sinh học</p> <p>4. Động vật học</p> <p>5. Thực vật học</p> <p>6. Sinh thái học</p> <p>7. Di truyền học</p> <p>8. Vi sinh vật học</p> <p>- Đại học:</p> <p>9. Sinh học ứng dụng</p>	<p>1. Khoa học cây trồng</p> <p>2. Chăn nuôi</p> <p>3. Thú y</p> <p>4. Nuôi trồng thủy sản</p> <p>5. Lâm học</p> <p>6. Khoa học y sinh</p> <p>7. Bảo vệ thực vật</p> <p>8. Hóa sinh học</p> <p>9. Di truyền và chọn giống cây trồng</p> <p>10. Bệnh học thủy sản</p> <p>11. Lý luận và phương pháp dạy học</p>	<p>1. Công nghệ sinh học nâng cao</p> <p>2. Sinh học tế bào</p> <p>3. Hóa sinh hiện đại</p> <p>4. Công nghệ DNA tái tổ hợp</p> <p>5. Vi sinh vật học nâng cao</p>	<p>2</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>2</p>	<p>* Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo.</p>
---	----------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

nh

